



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính tổng hợp
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý IV năm 2016

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	7 - 45

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

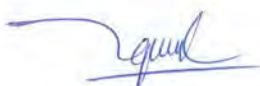
Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.384.355.377	7.453.359.435
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		291.731.443	238.067.919
111	1. Tiền	4	291.731.443	238.067.919
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.979.573.059	6.926.123.473
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	359.300.013	525.822.602
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	69.035.369	162.297.212
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	2.484.571.410	4.652.017.152
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.070.074.388	1.586.464.025
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.408.121)	(477.518)
140	III. Hàng tồn kho		109.159.846	206.104.818
141	1. Hàng tồn kho	9	109.159.846	206.104.818
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.891.029	83.063.225
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		385.276	383.900
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.505.753	483.337
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	82.195.988
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		23.231.517.135	20.235.507.840
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		11.774.982.590	8.373.822.112
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	11.235.308.245	8.066.041.332
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	539.674.345	307.780.780
220	II. Tài sản cố định		286.787.249	294.796.704
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	228.256.799	233.660.774
222	Nguyên giá		326.639.892	321.148.576
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(98.383.093)	(87.487.802)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	58.530.450	61.135.930
228	Nguyên giá		67.522.174	67.522.174
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.991.724)	(6.386.244)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	13.251.042	78.228.682
231	1. Nguyên giá		15.001.180	79.478.780
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(1.750.138)	(1.250.098)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.974.731	469.767
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.974.731	469.767
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		11.139.377.963	11.474.502.144
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	11.213.889.436	11.437.505.856
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	5.000.000	5.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.3	7.360.040	31.996.288
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(86.871.513)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.143.560	13.688.431
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	13.321.986	13.688.431
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.821.574	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		28.615.872.512	27.688.867.275

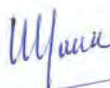
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		16.319.726.463	15.409.713.628
310	I. Nợ ngắn hạn		5.984.166.645	6.902.977.590
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	86.744.243	146.484.218
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.159.148.219	1.354.460.319
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	58.483.259	115.518.401
314	4. Phải trả người lao động		11.555.033	9.279.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	485.211.804	303.730.070
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	1.130.892.361	280.092.733
320	7. Vay ngắn hạn	21	3.047.906.103	4.689.130.668
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.225.623	4.282.181
330	II. Nợ dài hạn		10.335.559.818	8.506.736.038
338	1. Vay dài hạn	21	10.329.668.339	8.494.994.375
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	5.635.824
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		5.891.479	6.105.839
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.296.146.049	12.279.153.647
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	12.296.146.049	12.279.153.647
411	1. Vốn cổ phần		7.899.679.470	7.899.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.899.679.470	7.899.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.539.078.784	3.539.078.784
415	3. Cổ phiếu quỹ		(686.640)	(686.640)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		279.895.303	279.895.303
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		578.179.132	561.186.730
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		561.186.730	27.558.264
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		16.992.402	533.628.466
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		28.615.872.512	27.688.867.275




Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	113.635.544	588.798.473	564.854.297	2.466.948.513
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	-	-	-	(35.528)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	113.635.544	588.798.473	564.854.297	2.466.912.985
11	4. Giá vốn hàng bán	24	(92.733.767)	(434.756.238)	(447.846.526)	(1.642.085.892)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20.901.777	154.042.235	117.007.771	824.827.093
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	317.067.620	278.677.213	1.425.791.424	1.131.708.297
22	7. Chi phí tài chính	25	(346.389.702)	(339.526.016)	(1.432.628.889)	(1.219.097.775)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(345.196.706)	(332.284.259)	(1.293.872.795)	(1.210.767.623)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(4.562.346)	(7.480.970)	(13.969.783)	(42.109.481)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(19.851.085)	(28.249.463)	(88.237.245)	(105.808.011)
30	10. (Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(32.833.736)	57.462.999	7.963.278	589.520.123
31	11. Thu nhập khác	28	1.147.564	156.078	20.684.610	146.892.270
32	12. Chi phí khác	28	(8.214.918)	(14.021.709)	(9.850.792)	(4.828.327)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác	28	(7.067.354)	(13.865.631)	10.833.818	142.063.943

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(39.901.090)	43.597.368	18.797.096	731.584.066
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	17.972.701	1.689.020	(9.262.092)	(143.359.944)
52	16. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29	964.693	(5.635.824)	7.457.398	(5.635.824)
60	17. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(20.963.696)	39.650.564	16.992.402	582.588.298



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập

Ngày 10 tháng 02 năm 2017



Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
Quý IV năm 2016

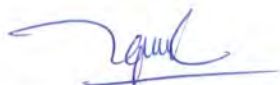
Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		18.797.096	731.584.066
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10,11,12	20.241.742	20.078.311
03	Các khoản dự phòng		89.802.116	443.312
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(3.477.131)	(24.459.937)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.404.175.533)	(1.356.593.413)
06	Chi phí lãi vay	25	1.293.872.795	1.210.767.623
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.061.085	581.819.962
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(481.871.270)	4.870.804
10	Giảm hàng tồn kho		96.944.972	102.961.023
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(128.436.313)	319.356.299
12	Giảm chi phí trả trước		365.069	8.164.245
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.080.104.407)	(1.245.427.009)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	29	(25.346.309)	(95.621.975)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.560)	(10.312.710)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.603.443.733)	(334.189.361)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(105.224.518)	(121.865.610)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		216.538.167	754.990.954
23	Tiền chi cho vay		(2.522.894.546)	(10.378.292.741)
24	Tiền thu hồi cho vay		3.017.253.431	7.137.566.735
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(12.392.542)	(2.571.757.059)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		392.749.478	863.104.766
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		508.249.967	469.795.590
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		1.494.279.437	(3.846.457.365)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		3.925.232.474	8.236.772.032
34	Tiền trả nợ gốc vay		(3.762.404.654)	(4.419.329.550)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		162.827.820	3.817.442.482
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		53.663.524	(363.204.244)
60	Tiền đầu kỳ	4	238.067.919	601.272.163
70	Tiền cuối kỳ	4	291.731.443	238.067.919



Nguyễn Thị Đỗ Quyên
 Người lập



Dương Hoàng Bắc
 Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
 Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
Quý IV năm 2016

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo hai mươi tám (28) Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCK HCM”) với mã HAG theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp, một (1) công ty liên kết và năm (5) chi nhánh.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; trồng và kinh doanh cao su, hồ tiêu và các loại cây trồng khác; dịch vụ nông nghiệp; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; cơ khí; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“ngàn VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính tổng hợp bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính tổng hợp Quý IV năm 2016 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa | - | Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 năm
Phần mềm vi tính	8 năm
Tài sản khác	6 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	50 năm
--------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán tổng hợp. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần không quá 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Phân phối lợi nhuận thuần (tiếp theo)

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư

Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****3.19 Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.20 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3.21 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.22 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

4. TIỀN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền gửi ngân hàng	289.602.746	236.037.900
Tiền mặt tại quỹ	2.128.697	2.030.019
TỔNG CỘNG	291.731.443	238.067.919

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	184.776.848	126.224.057
Phải thu hợp đồng xây dựng	158.480.422	152.633.526
Phải thu từ bán các khoản đầu tư	-	177.074.164
Phải thu tiền bán căn hộ	9.485.759	17.495.216
Phải thu từ bán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	6.556.984	52.395.639
TỔNG CỘNG	359.300.013	525.822.602

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 223.071.389 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (*Thuyết minh số 30*).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	59.921.747	162.297.212
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	9.113.622	-
TỔNG CỘNG	69.035.369	162.297.212

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 2.150.000 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (*Thuyết minh số 30*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu cho vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	2.336.532.951	4.652.017.152
Trong đó:		
Cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	446.516.211	2.860.085.936
Cho vay ngắn hạn các công ty con (iii)	986.876.353	1.374.070.236
Cho vay ngắn hạn các bên liên quan khác (ii)	903.140.387	417.860.980
Phải thu cho vay ngắn hạn các công ty khác (v)	148.038.459	-
	2.484.571.410	4.652.017.152
Dài hạn		
Phải thu cho vay dài hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 30)	10.609.519.246	7.186.402.423
Trong đó:		
Cho vay dài hạn Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") (i)	-	641.100.000
Cho vay dài hạn các công ty con (iii)	9.465.436.514	4.057.921.861
Cho vay dài hạn Ông Đoàn Nguyên Đức - Chủ tịch Hội đồng Quản trị (iv)	300.000.000	697.320.000
Cho vay dài hạn các bên liên quan khác (ii)	844.082.732	1.790.060.562
Phải thu cho vay dài hạn các công ty khác (v)	455.788.400	710.330.064
Khoản cho vay Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (vi)	170.000.599	167.980.345
Phải thu cho vay dài hạn nhân viên	-	1.328.500
	11.235.308.245	8.066.041.332
TỔNG CỘNG	13.719.879.655	12.718.058.484

- (i) Đây là khoản cho An Phú vay theo hợp đồng vay số 01/07/HĐV/AP/HAGL ngày 17 tháng 7 năm 2014, có hạn mức là 650 tỷ VND, có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay (ngày 17 tháng 7 năm 2014) và có lãi suất trong năm là 8%/năm (2015: 9,5%/năm).
- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan khác có thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6%/năm đến 12,93%/năm.
- (iii) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các công ty con có thời hạn hoàn trả từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 6%/năm đến 14%/năm.
- (iv) Đây là khoản Công ty cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, Ông Đoàn Nguyên Đức, vay theo hợp đồng vay số 01/10/15HĐV_HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2015, hoàn trả trong vòng 36 tháng và có lãi suất trong năm là 12%/năm.
- (v) Cho vay các công ty khác thể hiện khoản cho vay tín chấp các công ty và cá nhân khác với thời hạn hoàn trả từ tháng 1 năm 2017 đến tháng 7 năm 2020 và lãi suất trung bình từ 8%/năm đến 13%/năm.
- (vi) Khoản cho Chính phủ Lào vay - Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cần trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	1.962.765.012	1.483.481.563
Phải thu lãi cho vay	74.528.257	76.811.316
Phải thu nhân viên	5.226.924	4.725.529
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	334.520	188.889
Các khoản khác	27.219.675	21.256.728
	2.070.074.388	1.586.464.025
Dài hạn		
Phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") (<i>Thuyết minh số 30</i>) (i)	493.211.100	307.266.100
Phải thu lãi cho vay (<i>Thuyết minh số 30</i>)	45.948.565	-
Kỳ quỹ, ký cược dài hạn	514.680	514.680
	539.674.345	307.780.780
TỔNG CỘNG	2.609.748.733	1.894.244.805

- (i) Thể hiện khoản hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần An Đông Mía - công ty con để đầu tư vào Dự án trồng 9.173 ha cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Huyện Koun Mom, Tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư số 0103/2014/HAGL-ADM/HĐHTĐT ngày 1 tháng 3 năm 2014. Theo đó, Công ty sẽ góp 88% tổng vốn đầu tư Dự án. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 dự án vẫn đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	54.773.020	107.646.457
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.246.279	34.079.331
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hoạt động xây dựng</i>	24.227.754	10.529.097
<i>Hoạt động sản xuất</i>	5.978.274	23.345.211
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	40.251	205.023
Hàng hóa	21.103.672	52.386.134
Thành phẩm	2.482.884	7.771.786
Vật liệu xây dựng	346.771	3.885.058
Nguyên vật liệu	170.614	276.675
Công cụ, dụng cụ	36.606	59.377
TỔNG CỘNG	109.159.846	206.104.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vườn cây lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	238.796.794	42.966.964	29.279.099	3.308.219	6.689.440	108.060	321.148.576
Mua sắm mới	-	709.290	8.595.421	-	-	-	9.304.711
Xây dựng mới	8.543.227	-	-	-	-	-	8.543.227
Thanh lý trong năm	(8.221.986)	(3.303.545)	(541.236)	(289.855)	-	-	(12.356.622)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>239.118.035</u>	<u>40.372.709</u>	<u>37.333.284</u>	<u>3.018.364</u>	<u>6.689.440</u>	<u>108.060</u>	<u>326.639.892</u>
Giá trị hao mòn lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	(44.452.220)	(19.087.039)	(17.099.428)	(2.055.628)	(4.770.974)	(22.513)	(87.487.802)
Khấu hao trong năm	(7.979.961)	(4.403.167)	(3.349.903)	(425.948)	(959.232)	(18.011)	(17.136.222)
Thanh lý trong năm	2.565.703	3.125.690	259.683	289.855	-	-	6.240.931
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>(49.866.478)</u>	<u>(20.364.516)</u>	<u>(20.189.648)</u>	<u>(2.191.721)</u>	<u>(5.730.206)</u>	<u>(40.524)</u>	<u>(98.383.093)</u>
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>194.344.574</u>	<u>23.879.925</u>	<u>12.179.671</u>	<u>1.252.591</u>	<u>1.918.466</u>	<u>85.547</u>	<u>233.660.774</u>
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>189.251.557</u>	<u>20.008.193</u>	<u>17.143.636</u>	<u>826.643</u>	<u>959.234</u>	<u>67.536</u>	<u>228.256.799</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2016	52.350.201	15.171.973	67.522.174
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(6.386.244)	(6.386.244)
Khấu hao trong năm	(739.394)	(1.866.086)	(2.605.480)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	(739.394)	(8.252.330)	(8.991.724)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	52.350.201	8.785.729	61.135.930
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	51.610.807	6.919.643	58.530.450

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	64.477.600	15.001.180	79.478.780
Thanh lý trong năm	(64.477.600)	-	(64.477.600)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	15.001.180	15.001.180
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	-	(1.250.098)	(1.250.098)
Khấu hao trong năm	-	(500.040)	(500.040)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(1.750.138)	(1.750.138)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	64.477.600	13.751.082	78.228.682
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	13.251.042	13.251.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Nhà văn phòng	<u>1.974.731</u>	<u>469.767</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngàn VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	11.213.889.436	(86.871.513)	11.437.505.856	-
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	5.000.000	-	5.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 14.3)	7.360.040	-	31.996.288	-
TỔNG CỘNG	<u>11.226.249.476</u>	<u>(86.871.513)</u>	<u>11.474.502.144</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	31 tháng 12 năm 2016			31 tháng 12 năm 2015		
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Dự phòng Ngàn VND
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>								
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp, chăn nuôi	Đang hoạt động	70,45	5.224.484.938	-	79,52	5.443.421.358	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	68,90	3.253.537.647	-	85,75	3.253.537.647	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	99,40	2.532.179.575	-	95,58	2.532.179.575	-
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>								
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	-	99,00	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	(59.000.000)	51,00	59.000.000	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	(26.930.800)	80,00	26.930.800	-
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Quản lý bất động sản và khách sạn	Trước hoạt động	100,00	17.778.990	-	100,00	17.778.990	-
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	(940.713)	94,50	977.486	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	-	-	-	55,12	4.680.000	-
TỔNG CỘNG				11.213.889.436	(86.871.513)		11.437.505.856	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
TỔNG CỘNG				5.000.000			5.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Truyền Thông Thanh Niên	6.200.000	6.200.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng Không Viễn Đông	1.160.040	1.160.040
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	-	24.636.248
TỔNG CỘNG	7.360.040	31.996.288

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền thuê đất trả trước	9.694.786	9.966.210
Công cụ, dụng cụ	3.452.538	2.876.703
Chi phí bán căn hộ	172.495	827.852
Các khoản khác	2.167	17.666
TỔNG CỘNG	13.321.986	13.688.431

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	86.694.243	68.676.224
Phải trả tiền mua sắm máy móc thiết bị và phát triển vườn cây	50.000	76.807.994
Các khoản khác	-	1.000.000
TỔNG CỘNG	86.744.243	146.484.218

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 27.568.525 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Thuyết minh số 30).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Khách hàng thương mại trả tiền trước	622.126.886	732.239.032
Khách hàng xây dựng trả tiền trước	530.537.536	595.984.283
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	6.483.797	26.237.004
TỔNG CỘNG	1.159.148.219	1.354.460.319

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 1.140.521.561 ngàn VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (*Thuyết minh số 30*).

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 29</i>)	49.100.836	65.185.053
Thuế giá trị gia tăng	2.135.072	19.285.372
Thuế thu nhập cá nhân	785.856	173.321
Các khoản phải nộp khác	6.461.495	30.874.655
TỔNG CỘNG	58.483.259	115.518.401

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	480.700.274	300.833.079
Chi phí hoạt động	4.511.530	2.896.991
TỔNG CỘNG	485.211.804	303.730.070

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 30</i>)	941.663.451	195.906.801
Các khoản khác	189.228.910	84.185.932
TỔNG CỘNG	1.130.892.361	280.092.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

21. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngắn hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	299.706.456	1.052.926.625
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Trái phiếu đến hạn trả	1.648.199.647	2.503.860.293
Trong đó		
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 21.2)	518.199.647	1.373.860.293
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	-	32.343.750
	3.047.906.103	4.689.130.668
Vay dài hạn		
Trái phiếu thường trong nước (Thuyết minh số 21.2)	9.729.098.988	8.494.994.375
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.3)	600.569.351	-
	10.329.668.339	8.494.994.375
TỔNG CỘNG	13.377.574.442	13.184.125.043

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	Ngàn VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	-	603.011.957
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	299.706.456	449.914.668
TỔNG CỘNG	299.706.456	1.052.926.625

21.2 Trái phiếu thường trong nước

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Số tiền	Ngày đáo hạn
Ngàn VND			
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 25 tháng 4 năm 2012	820.108.379	Từ ngày 27 tháng 4 năm 2017 đến ngày 18 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH Chứng khoán ACB	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	240.000.000	Từ ngày 30 tháng 12 năm 2018 đến ngày 30 tháng 12 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, trái phiếu thường trong nước được chi tiết như sau (tiếp theo):

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngày phát hành</i>	<i>Số tiền</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia	Ngày 29 tháng 12 năm 2016	930.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 28 tháng 11 năm 2014	1.000.000.000	Từ ngày 28 tháng 11 năm 2019 đến ngày 28 tháng 11 năm 2021
Công ty Chứng khoán Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	183.000.000	Đến ngày 29 tháng 12 năm 2020
Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT và Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	Ngày 27 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Từ ngày 1 tháng 8 năm 2019 đến ngày 1 tháng 8 năm 2021
BIDV và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	Ngày 30 tháng 12 năm 2016	6.546.000.000	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2021 đến ngày 30 tháng 12 năm 2026
Chi phí phát hành trái phiếu		(71.809.744)	
TỔNG CỘNG		10.247.298.635	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Trái phiếu đến hạn trả</i>		518.199.647	
<i>Trái phiếu dài hạn</i>		9.729.098.988	

21.3 Vay dài hạn ngân hàng

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	600.569.351	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2015						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2014	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	249.756.283	27.558.264	11.715.386.161
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	582.588.298	582.588.298
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	30.139.020	(48.222.432)	(18.083.412)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(737.400)	(737.400)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.186.730	12.279.153.647

(i) Số còn lại trích lập quỹ phúc lợi

	Ngàn VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2016						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2015	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	561.186.730	12.279.153.647
Lợi nhuận sau thuế trong năm	-	-	-	-	16.992.402	16.992.402
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2016	7.899.679.470	3.539.078.784	(686.640)	279.895.303	578.179.132	12.296.146.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	789.967.947	789.967.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	789.967.947	789.967.947
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.967.947</i>	<i>789.967.947</i>
Số lượng cổ phiếu quỹ	68.664	68.664
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>68.664</i>	<i>68.664</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	789.899.283	789.899.283
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>789.899.283</i>	<i>789.899.283</i>

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	113.635.544	588.798.473	564.854.297	2.466.948.513
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	84.113.701	363.201.423	268.448.346	1.050.521.057
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	17.745.132	192.719.915	130.449.414	1.032.528.973
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	9.090.892	8.762.773	33.751.375	43.033.424
<i>Doanh thu căn hộ</i>	2.685.819	24.114.362	67.727.562	125.923.241
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	64.477.600	214.941.818
Các khoản giảm trừ	-	-	-	(35.528)
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	-	-	(35.528)
Doanh thu thuần	113.635.544	588.798.473	564.854.297	2.466.912.985
<i>Trong đó:</i>				
<i>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa</i>	84.113.701	363.201.423	268.448.346	1.050.485.529
<i>Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng</i>	17.745.132	192.719.915	130.449.414	1.032.528.973
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	9.090.892	8.762.773	33.751.375	43.033.424
<i>Doanh thu căn hộ</i>	2.685.819	24.114.362	67.727.562	125.923.241
<i>Doanh thu bán bất động sản đầu tư</i>	-	-	64.477.600	214.941.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Ngàn VND			
Lãi cho vay	310.868.179	276.645.719	1.412.420.303	1.074.307.312
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.143.748	-	6.725.262	34.477.074
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.055.693	2.031.494	6.645.859	15.741.379
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	-	-	-	6.522.566
Cổ tức nhận được	-	-	-	659.966
TỔNG CỘNG	317.067.620	278.677.213	1.425.791.424	1.131.708.297

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	Ngàn VND			
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	67.745.251	295.803.147	213.678.984	896.853.268
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	17.491.334	97.424.217	95.673.719	517.495.789
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.342.560	4.842.335	20.752.960	29.510.577
Giá vốn căn hộ	2.154.622	18.774.514	52.873.437	99.130.719
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	17.912.025	64.867.426	99.095.539
TỔNG CỘNG	92.733.767	434.756.238	447.846.526	1.642.085.892

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	345.196.706	332.284.259	1.293.872.795	1.210.767.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.141.257	6.937.322	19.579.766	8.323.660
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào các công ty con	51.739	-	86.871.513	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	-	-	32.304.815	-
Các khoản khác	-	304.435	-	6.492
TỔNG CỘNG	346.389.702	339.526.016	1.432.628.889	1.219.097.775

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Ngàn VND			
	Quý IV		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí vận chuyển và dịch vụ mua ngoài	2.334.553	518.265	7.002.680	18.710.402
Chi phí lương nhân viên	466.325	551.188	1.964.612	2.527.718
Các khoản khác	1.761.468	6.411.517	5.002.491	20.871.361
TỔNG CỘNG	4.562.346	7.480.970	13.969.783	42.109.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>			
	<i>Quý IV</i>		<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lương nhân viên	11.955.180	11.865.691	47.387.116	55.314.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.925.418	10.055.123	20.351.920	20.994.216
Chi phí khấu hao	2.288.542	2.134.828	8.806.726	8.502.731
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	34.206	2.930.603	-
Các khoản khác	1.681.945	4.159.615	8.760.880	20.994.216
TỔNG CỘNG	19.851.085	28.249.463	88.237.245	105.808.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND			
	<i>Quý IV</i>		<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	1.147.564	156.078	20.684.610	146.892.270
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	-	17.804.012	143.515.911
Các khoản khác	1.147.564	156.078	2.880.598	3.376.359
Chi phí khác	8.214.918	14.021.709	9.850.792	4.828.327
Các khoản phạt	7.352.148	1.371.814	7.470.574	1.372.814
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	239.810	239.810	959.234	959.234
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	12.410.085	-	-
Các khoản khác	622.960	-	1.420.984	2.496.279
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	(7.067.354)	(13.865.631)	10.833.818	142.063.943

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế TNDN hiện hành	9.262.092	143.359.944
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	<u>(7.457.398)</u>	<u>5.635.824</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.804.694</u>	<u>148.995.768</u>

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	18.797.096	731.584.066
Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.734.763	13.675.610
Các khoản phạt	12.289.332	1.375.065
Thu nhập cổ tức	-	(659.966)
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	<u>9.107.870</u>	<u>(28.656.638)</u>
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	<u>42.929.061</u>	<u>717.318.137</u>
Thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	8.585.813	144.999.946
Điều chỉnh trích bổ sung (thừa) thuế TNDN năm trước	<u>676.279</u>	<u>(1.640.002)</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong năm	9.262.092	143.359.944
Thuế TNDN phải trả đầu năm	65.185.053	17.447.084
Thuế TNDN đã trả trong năm	<u>(25.346.309)</u>	<u>(95.621.975)</u>
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 18)	<u>49.100.836</u>	<u>65.185.053</u>

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Lãi cho vay	290.264.273
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	257.431.158
		Thu nhập chuyển nhượng cổ phần	12.828.645
		Thanh lý tài sản cố định	6.115.693
		Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2.708.034
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.646.826
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	269.540
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	150.491.568
		Doanh thu bán hàng hóa	62.455.498
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	34.877.889
		Mua hàng hóa	683.764
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Lãi cho vay	158.892.342
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Lãi cho vay	69.557.001
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.378.602
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	15.484.358
		Mua hàng hóa	42.975
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	51.054.063
		Lãi cho vay	41.348.533
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	6.382.186
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con (*)	Lãi cho vay	50.923.840
		Doanh thu bán hàng hóa	28.395.323
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.734.133
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	81.762.040
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	69.231.337
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Lãi cho vay	24.832.727
		Doanh thu	7.611.515
		hợp đồng xây dựng	
		Doanh thu bán hàng hóa	2.813.603
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	32.819.643
		Mua dịch vụ	1.798.092
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.815
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Lãi cho vay	30.469.444
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	27.420.060
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	724.672
		Doanh thu	13.185
		hợp đồng xây dựng	
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Lãi cho vay	27.470.282
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	20.423.560
Công ty TNHH Daun Pênh Agrico	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	19.598.211
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	15.999.410
		Doanh thu	466.273
		hợp đồng xây dựng	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Lãi cho vay	16.222.042
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	216.788
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	15.656.257
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu	9.570.845
		hợp đồng xây dựng	
		Doanh thu bán hàng hóa	843.842
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	8.820.954
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	118.000
		Doanh thu	44.541
		hợp đồng xây dựng	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau (tiếp theo):

			<i>Ngàn VND</i>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Lãi cho vay	7.913.439
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	7.293.531
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Lãi cho vay	2.106.001
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	414.513

() Từ ngày 9 tháng 12 năm 2016, Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên trở thành công ty con của Công ty.*

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

			<i>Ngàn VND</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</i>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	51.991.410
		Phải thu hợp đồng xây dựng	5.039.704
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	49.067.929
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	982.898
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa	30.431.054
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9.717.187
		Phải thu hợp đồng xây dựng	9.105.689
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Bán hàng hóa	15.420.987
		Phải thu hợp đồng xây dựng	2.909.045
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	9.439.160
		Phải thu hợp đồng xây dựng	1.532.840
Công ty TNHH Daun Pênh Agrico	Công ty con	Bán hàng hóa	10.023.504
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Bán hàng hóa	8.266.597

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5) (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán tài sản cố định	6.221.912
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	368.958
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	5.869.574
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa	4.481.112
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	703.470
		Phải thu hợp đồng xây dựng	112.120
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cung cấp dịch vụ	711.787
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	674.452
TỔNG CỘNG			223.071.389
Các khoản trả trước ngắn hạn cho người bán (Thuyết minh số 6)			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Ứng trước mua dịch vụ	2.150.000
Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)			
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	660.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	446.516.211
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	430.376.353
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	189.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu cho vay ngắn hạn	54.140.387
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	40.000.000
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	14.500.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	2.000.000
TỔNG CỘNG			2.336.532.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
 Quý IV năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<i>Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7)</i>			
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	5.209.360.533
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	1.321.977.971
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	873.443.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	673.076.978
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	656.198.956
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	396.025.301
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	350.000.000
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu cho vay dài hạn	300.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	265.198.198
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	227.599.349
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	141.231.796
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	53.092.286
Công ty Cổ phần An Đông Mia	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	34.007.539
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	32.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	24.207.836
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	18.791.500
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Phải thu cho vay dài hạn	14.651.980
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	10.604.234
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	7.544.584

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7) (tiếp theo)			
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh XêKông	Công ty con	Phải thu cho vay dài hạn	507.205
TỔNG CỘNG			<u>10.609.519.246</u>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	841.296.011
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	265.257.386
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi trả hộ	256.974.341 292.289
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi trả hộ	167.163.819
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay Chi trả hộ	143.698.819 2.619.183
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi trả hộ	61.134.570 42.400
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay Chi trả hộ	47.146.887 3.266.859
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	35.315.530
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi trả hộ	32.003.175
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Chi trả hộ	21.689.231
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	21.273.973
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay Chi trả hộ	14.072.042 2.795.581
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bên liên quan	Chi trả hộ	12.624.059
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Minh Tuấn	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	10.406.208
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Chi trả hộ	4.250.891
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Phải thu tiền lãi vay	3.894.640
		Chi trả hộ	92.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo):

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VND</i> <i>Số dư</i>
Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8) (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	3.833.715
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Chi trả hộ	2.315.736
Công ty Cổ phần Xây dựng Huỳnh Đệ	Bên liên quan	Phải thu tiền lãi vay	2.728.820
Công ty TNHH Daun Pênh Agrico	Công ty con	Chi trả hộ	2.730.178
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chi trả hộ	1.384.543
Ông Phan Thanh Thủ	Thành viên HĐQT	Tạm ứng cho nhân viên	1.600.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng cho nhân viên	304.000
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Phó Tổng giám đốc	Tạm ứng cho nhân viên	300.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	257.199
TỔNG CỘNG			1.962.765.012
Các khoản phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần An Đông Mía	Công ty con	Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	493.211.100
		Phải thu tiền lãi vay	104.882
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	41.348.533
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu tiền lãi vay	4.495.150
TỔNG CỘNG			539.159.665
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	15.372.931
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Mua hàng hóa	9.209.211
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	2.439.909
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	546.474
TỔNG CỘNG			27.568.525

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 17)			
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Công ty con	Ứng trước hợp đồng xây dựng	306.020.992
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Bên liên quan	Ứng trước hợp đồng xây dựng	193.716.544
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	140.157.988
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	122.231.030
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	109.223.907
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.159.761
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	57.253.289
		Ứng trước hợp đồng xây dựng	30.800.000
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	51.419.034
Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	31.430.152
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	108.864
TỔNG CỘNG			<u>1.140.521.561</u>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20)			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	366.158.461
		Chi hộ	489.770
Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Công ty con	Chi hộ	255.954.580
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	126.169.374
		Chi hộ	6.051.722
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải trả do thu hộ	122.224.022
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	22.769.750
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	13.342.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
Quý IV năm 2016


30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)


Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VND
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 20) (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Chi hộ	11.786.059
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty con	Chi hộ	3.323.700
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kon Tum	Công ty con	Chi hộ	2.402.766
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	2.065.085
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Chi hộ	1.825.937
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ	1.339.264
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thư ký HĐQT	Chi hộ	1.204.111
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	748.084
TỔNG CỘNG			<u>941.663.451</u>


31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính tổng hợp.


Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập


Dương Hoàng Bắc
Kế toán trưởng




Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 02 năm 2017